

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP C
tỉnh Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST.

Ngày: 25-7-2019.

V/v tranh chấp dân sự
về quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê VA

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình M

2. Ông Nguyễn Văn H

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết N, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C tham gia phiên toà: Bà Võ Thị T
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân TP C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 485/2017/TLST-DS, ngày 11/10/2017, về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Ông **Đình Công K**, sinh năm 1936;*

Địa chỉ: Số 79, tổ 3, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Phan Văn B, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 02, tổ 01, ấp Tân Phát, xã TTĐ, TP C, tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 31/01/2018).

*- Bị đơn: Ông **Lê Bá H**, sinh năm 1976;*

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Hữu P, Văn phòng Luật sư Lê P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị K (L), sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

2. Chị Lê Nguyễn Mai L, sinh năm 1998;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lan: anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018).

3. Lê Bá H, sinh năm 2002;

4. Lê Minh T, sinh năm 2015;

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. Người đại diện theo pháp luật cho Lê Bá H và Lê Minh T: Ông Lê Bá H, sinh năm 1976 – cha ruột và bà Nguyễn Thị K (L), sinh năm 1979 – mẹ ruột, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

5. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1953;

6. Chị Đinh Thị B, sinh năm 1977;

7. Anh Đinh Công C, sinh năm 1984;

8. Chị Đinh Thị Trúc L, sinh năm 1989;

9. Chị Lê Thị Phúc H, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số 79, tổ 3, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

10. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 70, tổ 2, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018).

11. Ủy ban nhân dân TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Văn T – Chức vụ: Chủ tịch UBND TPCL.

Địa chỉ: Số 03, đường 30/4, Phường M, TP C, tỉnh Đ.

12. Ông Lê Bá P, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 70, tổ 2, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018).

13. Anh Lê Minh T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 70, tổ 2, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018).

14. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp TH, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Y: Anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (bản bản ủy quyền ngày 13/7/2018).

15. Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp TH, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 13/7/2018).

16. Bà Đinh Thị Kim Y, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số 246/A, tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 13/7/2018).

17. Anh Đinh Công T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 111, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: anh Lê Bá H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018).

Có mặt: Phan Văn B, Lê Bá H, chị Nguyễn Thị K (L) và ông Lê Hữu P tại phiên tòa. Khi tuyên án vắng mặt ông Lê Hữu P.

Vắng mặt: Bà Huỳnh Thị N, anh Đinh Công C, chị Đinh Thị B, chị Đinh Thị Trúc L và Lê Thị Phúc H và đại diện Ủy ban nhân dân TP C, tỉnh Đ (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Đinh Công K có ông Phan Văn B đại diện trình bày:

Cha ông K là ông Đinh Công T (chết trước năm 1975), mẹ bà Nguyễn Thị B (chết năm 1981). Ông T và bà B có 5 người con: Đinh Thị Kim Y (còn sống); ông Đinh Văn X (chết), có một con tên Đinh Công T; bà Đinh Thị M (chết khi còn nhỏ, không chồng con); ông Đinh Công K; bà Đinh Thị L (mẹ của Lê Bá H).

Ông T và bà B có diện tích đất 6.788 m² tại ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. Sau khi ông T chết, vào khoảng năm 1972, bà Nguyễn Thị B chia đất cho các con gồm: Bà Y, bà M, ông X (sau này anh T hưởng), bà L mỗi người 1.000 m². Riêng ông K được bà B cho diện tích đất 2.748,7 m² (phía sau phần đất đang tranh chấp) và phần đất đang tranh chấp diện tích 405,5m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 do Lê Bá H đứng tên theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ: CH02991, ngày 08/4/2015, đất tọa lạc ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Bà Nguyễn Thị B cho đất ông Đinh Công K từ trước năm 1972 cho đến nay, không có giấy tờ, ông K sử dụng diện tích đất 425m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ, có tứ cận như sau: Cạnh giáp đất Bùi Trung D 87,7 mét; cạnh giáp đất Lê Bá H 87,7 mét; cạnh giáp đất ông Đinh Công K 4,8 mét; cạnh giáp rạch L 4,9 mét.

Trước đây, bà Đinh Thị L (mẹ của Lê Bá H) tranh chấp với ông K đối với diện tích hiện nay ông K đang tranh chấp với ông H, Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là TP C) giải quyết tại quyết định số 41/QĐ.UB, ngày 02/6/1996, bác khiếu

nại của bà Lùng. Không đồng ý Quyết định trên nên bà Lùng khiếu nại, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết tại Quyết định số 170/QĐ-UB-NĐ, ngày 23/6/1998, tiếp tục bác khiếu nại của bà Lùng. Công nhận cho ông K được quyền sử dụng đất thể hiện qua hai quyết định nêu trên.

Đối với phần đất 2.748 m², vào năm 2003 ông K kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 261, tờ bản đồ số 5 theo giấy CN số 00602 QSDĐ/503/QĐ-UB, ngày 27/10/2003. Đối với diện tích đất tranh chấp, năm 1999, ông Bùi Trung Dũng (hộ giáp ranh) tranh chấp với ông K về việc nhánh xoài của ông K che qua đất của ông D và tranh chấp ranh đất. UBND xã TT giải quyết tại quyết định số 19/QĐ-UB, ngày 20/4/1999, nên phần đất tranh chấp với bà Lùng (nay là anh H sử dụng) chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngày 11/12/2015, ông K làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân TP C thi hành Quyết định số 41 và Quyết định số 170 nêu trên. Đến đầu năm 2016, ông K nhận được Công văn số 1161/UBND-TM ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân TP C trả lời cho ông K biết, diện tích đất 425m² là con đường, phần đất còn lại do ông Lê Bá H đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 1607.

Đến ngày 29/8/2016, ông K tiếp tục nhận được Quyết định số 50/QĐ-UBND-HC ngày 18/8/2016 của Ủy ban nhân dân TP C về việc hủy quyết định số 41/QĐ.UB, ngày 02/6/1996; Quyết định số 313/QĐ-UBND-NĐ ngày 09/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hủy quyết định số 170/QĐ-UB.NĐ 23/6/1998.

Diện tích đất 425 m² là một phần bờ liếp và đường nước để ông K dẫn nước ra ruộng, đất bờ liếp ông K đang sử dụng và cũng là lối đi ra ruộng của ông K. Trong diện tích đất này, vào năm 2015, Nhà nước có sử dụng một phần chiều ngang 5 mét, chiều dài 3,9 mét, diện tích 19,5 m² để làm đường nhựa (cặp rạch L), diện tích đất còn lại là 405,5 m² do ông K đang quản lý, sử dụng như sau: cạnh giáp đất ông Bùi Trung D cạnh 82,7 mét; cạnh giáp đất Lê Bá H cạnh 82,7 mét; cạnh giáp đất ông Đinh Công K cạnh 4,8 mét; cạnh giáp rạch Long Sơn cạnh 4,9 mét.

Khi ông K phát hiện anh H đứng tên quyền sử dụng đất, ông K yêu cầu anh H lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông đứng tên nhưng anh H không đồng ý.

Nay ông K yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất 383,5 m² (*Hướng: giáp đất ông Bùi Trung D cạnh 79,2 mét, từ mốc C đến mốc 1 và mốc 2; Hướng: giáp đất Lê Bá H cạnh 79,33 mét, từ mốc B đến mốc 7 và mốc 3; Hướng: giáp đất ông Đinh Công K cạnh 4,8 mét, từ mốc 2 đến mốc 3; Hướng: giáp rạch L cạnh 4,9 mét, từ mốc C đến mốc B*), tọa lạc tại ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ và hủy một phần Giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 383,5 m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 số bìa CA 152006, số vào sổ CH02991, ngày 08/4/2015 do Lê Bá H đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ. Tại phiên tòa, rút yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận, đề nghị tách cho ông K đứng tên quyền sử dụng đất tranh chấp.

- Bị đơn anh Lê Bá H trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp do bà ngoại anh tên Nguyễn Thị B cho mẹ anh là bà Đinh Thị L diện tích khoảng 1.300m². Sau khi bà B cho đất, bà L canh tác, đến năm 2000 bà Lùng cho lại anh H. Năm 2003, hộ ông P (chồng bà L) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015, hộ ông P cho anh H, anh H được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 1607, tờ bản đồ 4 do Lê Bá H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02991, ngày 08/4/2015, đất tọa lạc ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Ông Đinh Công K sử dụng đất liếp (lối đi) và đường nước chiều ngang giáp đường nhựa 4,9 mét, chiều ngang sau hậu (giáp đất ruộng của ông K) 4,8 mét, chiều dài 87,7 mét từ trước giải phóng đến nay. Hiện nay, phần đất liếp (lối đi) và đường nước nêu trên anh H có sử dụng trồng cây cặp đường nước (phía nhà anh H) và sử dụng nước tưới cây. Anh H không biết việc giải quyết tranh chấp đất liếp và đường nước nêu trên giữa bà L và ông K. Nay anh H không đồng ý theo yêu cầu của ông K.

- Bà Đinh Thị Kim Y có anh Lê Bá H đại diện trình bày:

Cha là ông Đinh Công T (chết trước năm 1975), mẹ bà Nguyễn Thị B (chết năm 1981). Ông T và bà B có 5 người như ông K trình bày.

Ông T chết khi còn trẻ, sau đó bà B có chia đất cho các con cụ thể như sau: bà Y 1.300m² đất ở, đã cất nhà ở từ trước giải phóng cho đến nay; bà Đinh Thị L 1300m², hiện nay cho con là Lê Bá H sử dụng cất nhà ở; Đinh Công X nhưng ông Xiếu chết nên con là Đinh Công T hưởng; Đinh Công K phần đất còn lại.

Đối với phần đất đang tranh chấp giữa ông K với anh Lê Bá H diện tích khoảng 383,5 m² thuộc thửa 1607, tờ bản đồ số 4 là lối đi và đường nước nằm trong diện tích 1.300m² của bà Lùng. Nay bà Y không yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất diện tích 383,5m².

- Bà Đinh Thị L có anh Lê Bá H đại diện trình bày:

Cha là ông Đinh Công T (trước năm 1975), mẹ bà Nguyễn Thị B (chết năm 1981). Ông T và bà B có 5 người như ông K trình bày.

Vào năm 1973, bà B cho bà L diện tích đất một công lớn (từ giáp đất bà Yên đến giáp đất ông D), không làm giấy tờ. Trong diện tích đất có phần lối đi và đường nước do bà cho ông K sử dụng để làm ruộng phía sau phần đất này.

Năm 1996, bà L tranh chấp với ông K phần đất liếp và đường nước này (cạnh giáp đất Bùi Trung D cạnh 87,7 mét; cạnh giáp đất Lê Bá H cạnh 87,7 mét; cạnh giáp đất ông Đinh Công K cạnh 4,8 mét; cạnh giáp rạch Long Sơn cạnh 4,9 mét). Ủy ban thị xã C (nay là TP C) giải quyết tranh chấp tại quyết định số 41/QĐ.UB, ngày 02/6/1996, bác đơn khiếu nại của bà Lùng. Bà L khiếu nại quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định số 170/QĐ-UB-NĐ, ngày 23/6/1998 tiếp tục bác khiếu của bà L.

Năm 2003, hộ ông Lê Bá P (chồng bà L) được UBND thị xã C (nay là TP C) cấp quyền sử dụng đất 1.349,1m², thuộc thửa 1607, tờ bản đồ số 4 theo GCNQSDĐ số vào sổ 01151/QSDĐ/503/QĐ-UB, ngày 27/10/2003. Đến năm

2015, hộ ông P tặng cho anh Lê Bá H diện tích đất này, anh H được cấp quyền sử dụng đất 1.349,1m², thuộc thửa 1607, tờ bản đồ số 4 theo GCNQSDĐ số bìa CA 152006, sổ vào sổ CH02991, ngày 08/4/2015 do Lê Bá H đứng tên.

Ngày 09/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định số 313/QĐ-UBND-ND về việc hủy Quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất số 170/QĐ-UB-ND, ngày 23/6/1998;

Ngày 18/8/2016, Ủy ban nhân dân TP C ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND-HC về việc hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 41/QĐ.UB, ngày 02/6/1996.

Nay ông K tranh chấp diện tích đất trước đây do bà L tranh chấp với ông K. Đất này nay thuộc quyền sử dụng của anh H, bà L không có ý kiến, mọi vấn đề do Lê Bá H quyết định.

- Ông Đinh Công T có Lê Bá H đại diện trình bày:

Ông nội anh Thanh tên Đinh Công T (chết) và bà nội Nguyễn Thị B (chết). Ông T và bà B có 05 người con như ông K, bà Yên và bà L trình bày. Bà B có chia đất cho:

Đinh Công X (cha anh T), phần này anh T được hưởng.

Bà Đinh Thị Kim Y 1.300m².

Bà Đinh Thị L 1300m², hiện nay cho con là Lê Bá H sử dụng.

Ông Đinh Công K phần đất còn lại khoảng 10 công.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông K với anh Lê Bá H diện tích khoảng 383,5m² thuộc thửa 1607, tờ bản đồ số 4 do bà Nguyễn Thị B cho bà L hay cho ông K thì anh T không biết. Nay anh T Không yêu cầu chia thừa kế, không có ý kiến và không tranh chấp.

- Bà Huỳnh Thị N, anh Đinh Công C, chị Đinh Thị B, chị Đinh Thị Trúc L và Lê Thị Phúc H trình bày:

Diện tích đất tranh chấp giữa ông Đinh Công K với anh Lê Bá H tại một phần thửa 1607, tờ bản đồ số 4 do anh H đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ. Nay bà N, anh C, chị B, chị L, H thống nhất theo lời trình bày của ông Đinh Công K, không ý kiến và không có tranh chấp.

- Chị Nguyễn Thị K (L): Thống nhất theo ý kiến của anh H.

- Lê Bá H, sinh năm 2002 có anh H và chị K đại diện theo pháp luật; Lê Minh T, sinh năm 2015 có anh H và chị K đại diện theo pháp luật; Bà Đinh Thị L, ông Lê Bá P, anh Lê Minh T, chị Lê Thị Y chị Lê Thị Thanh T và Chị Lê Nguyễn Mai L có anh H đại diện theo ủy quyền: Thống nhất theo ý kiến của anh H.

- Ủy ban nhân dân TP C, tỉnh D8: Có đơn xin vắng mặt tất cả các phiên họp, hòa giải và xét xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H trình bày: Diện tích đất tranh chấp đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Bá P, năm 2003 cấp đổi

giấy, năm 2015 hộ ông Phước đã cho anh H được sử dụng diện tích 1.349,1 m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 do Lê Bá H đứng tên theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ: CH02991, ngày 08/4/2015, đất tọa lạc ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ là đúng pháp luật. Anh H có sử dụng đất là có cơ sở, vì anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định tại Điều 100, 101 của Luật đất đai. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Luật đất đai 2013. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, ông K được đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp 383,5 m², tọa lạc tại tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông K, về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh H.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Đinh Công K tranh chấp quyền sử dụng đất với anh Lê Bá H. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP C, tỉnh Đ.

Bà Huỳnh Thị N, anh Đinh Công C, chị Đinh Thị B, chị Đinh Thị Trúc L, Lê Thị Phúc H và đại diện Ủy ban nhân dân TP C, tỉnh Đ vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Cha ông K là ông Đinh Công T (chết trước năm 1975), mẹ bà Nguyễn Thị B (chết năm 1981). Ông T, bà B có các con gồm: Đinh Thị Kim Y (sống); ông Đinh Văn X (chết, có một con tên Đinh Công T); bà Đinh

Thị M (chết khi còn nhỏ, không chồng con); ông Đinh Công K và bà Đinh Thị L (mẹ của Lê Bá H).

Ông T chết, để lại cho bà Bảy diện tích đất 6.788 m² tại ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. Vào khoảng năm 1972, bà Nguyễn Thị B chia đất cho các con gồm: bà Y, bà M, ông X (sau này anh T hưởng), bà L mỗi người diện tích đất không bằng nhau, không đo đạc, việc cho đất không làm văn bản.

Riêng ông K được bà Bảy cho diện tích đất nhiều hơn, trong đó có diện tích đất tại tổ 7, ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ diện tích 2.748,7 m² (phía sau đất tranh chấp), ông K được cấp quyền sử dụng vào năm 2003, diện tích 2.748,7 m² tại thửa số 261, tờ bản đồ số 5, mục đích sử dụng “Lúa” và diện tích đất đang tranh chấp (đất liếp và đường nước), cạnh giáp đất Bùi Trung D 87,7 mét, cạnh giáp đất bà L (nay của anh Lê Bá H) 87,7 mét, cạnh giáp đất ông Đinh Công K 4,8 mét (thửa 261), cạnh giáp rạch L 4,9 mét, tại ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ.

Khi bà B còn sống, bà B và các con cùng sử dụng diện tích đất tranh chấp (đất liếp) để làm lối đi ra ruộng và đường nước để canh tác đất (thửa số 261). Năm 1972, bà B cho ông K diện tích đất tranh chấp (đất liếp và đường nước), ông K tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Năm 1995, bà Đinh Thị L tranh chấp với ông K diện tích đất (cạnh giáp đất Bùi Trung Dũng 87,7 mét; cạnh giáp đất Lê Bá H cạnh 87,7 mét; cạnh giáp đất ông Đinh Công K 4,8 mét; cạnh giáp rạch L 4,9 mét), tọa lạc ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ. Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là TP C) giải quyết tại quyết định số 41/QĐ.UB, ngày 02/6/1996, bác đơn khiếu nại của bà Đinh Thị L phần đất liếp và đường nước, tại ấp Tịnh Mỹ, xã TT, thị xã C, tỉnh Đ. Không đồng ý Quyết định trên nên bà Lùng khiếu nại, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết tại Quyết định số 170/QĐ-UB-NĐ, ngày 23/6/1998 về việc giải quyết tranh chấp giữa bà Đinh Thị L với ông Đinh Công K cùng cư ngụ ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ chuẩn y Quyết định số 41/QĐ.UB, ngày 02/6/1996 của Ủy ban nhân dân thị xã C, giữ nguyên hiện trạng 425 m² cho ông Đinh Công K được quyền sử dụng theo vị trí như sau: Đông giáp đất Đinh Thị L cạnh 87,7 mét, tây giáp đất Bùi Trung D cạnh 87,7 mét, bắc giáp đất ông Đinh Công K cạnh 4,8 mét, nam giáp rạch L cạnh 4,9 mét. Bác đơn khiếu nại của bà Đinh Thị L.

Năm 1999, hộ ông Lê Bá P (chồng bà L và là cha của anh H) kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, được cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.710 m² tại thửa 346, 1206, 1580, tờ bản đồ số 03. Năm 2003, hộ ông Lê Bá P làm đơn xin đăng ký biến động quyền sử dụng đất, kê khai bổ sung và được cấp diện tích đất 1.349,1 m², thửa 1607, tờ bản đồ số 04. Năm 2015, hộ ông P tặng cho anh Lê Bá H diện tích đất 1.349,1 m², thửa 1607, tờ bản đồ số 04, trong diện tích đất này có một phần diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Diện tích đất tranh chấp 425 m² là đất liếp và đường nước. Vào năm 2015, Nhà nước có sử dụng một phần chiều ngang 5 mét, chiều dài 3,9 mét, diện tích 19,5 m² để làm đường nhựa (cấp rạch L) do Nhà nước và nhân dân cùng làm (không bồi thường), diện tích đất còn lại là 405,5 m². Qua xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích là 383,5 m².

Ông K có ông B đại diện, anh Lê Bá H và anh H đại diện cho bà Lùng, bà y và anh t xác nhận: Diện tích đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế của ông T, bà B. Ông B trình bày, đất tranh chấp bà B đã cho ông K, anh H trình bày đất tranh chấp bà B đã cho bà Lùng. Các đương sự đề nghị công nhận cho ông K hoặc anh H.

Diện tích đất tranh chấp thực tế 383,5 m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 do anh H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tại ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ phần là đất liếp (lối đi) và phần là đường nước. Anh H thống nhất đất liếp (lối đi) có từ khi bà B vẫn còn sống, đường nước trước năm 1975 do ông K đào, sau này anh H đào rộng ra. Anh B đại diện cho ông K cho rằng, anh H có đào vét một phần đường nước và ông K không có tranh chấp phần đường nước do anh H đào vét thêm. Lời trình bày của các đương sự thể hiện, nguồn gốc đất liếp (lối đi) và đường nước mà các đương sự tranh chấp là do ông K đào trước năm 1975.

Hai bên thừa nhận diện tích đất tranh chấp ông K đã sử dụng ổn định, lâu dài từ trước năm 1975 đến nay và hiện nay ông K không có lối đi và đường nước nào khác để sử dụng đất (thửa số 261) phía sau đất tranh chấp.

Tại phiên tòa, ông K có ông B đại diện yêu cầu ông K được quyền sử dụng và đứng tên diện tích đất 383,5 m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 do anh H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tại ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ phù hợp với Điều 166 Luật đất đai 2013, có căn cứ chấp nhận.

Ông K có ông B đại diện thay đổi yêu cầu, rút hủy một phần diện tích 383,5 m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số bìa CA 152006, số vào sổ CH02991, ngày 08/4/2015 do Lê Bá H đứng tên. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông K.

Anh Lê Bá H cho rằng, trước năm 1975, bà B cho bà L (mẹ anh H) 1.300m² đất, nhưng thực tế khi cho đất các con bà B chỉ nói bằng lời nói (không lập văn bản), không đo đạc. Anh H không có chứng cứ thể hiện có sử dụng diện tích đất đang tranh chấp, diện tích đất này là lối đi duy nhất ông K sử dụng để đi ra phần đất của ông K nằm phía sau và đường nước ông K dùng để trồng cây từ trước năm 1975 đến nay. Anh H cho rằng diện tích đất tranh chấp bà B cho bà L trước năm 1975, nhưng thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1999 ông Lê Bá Phước (cha anh H) không kê khai phần đất đang tranh chấp, phần đất tranh chấp chỉ được cấp cho ông Phước khi cấp đổi giấy vào năm 2003, thời điểm này diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố C) và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết công nhận cho ông K được quyền sử dụng đất (năm 1998). Do đó, lời trình bày của anh H cho rằng khi còn sống bà B cho bà L diện tích đất tranh chấp 383,5 m² là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Về cây trồng: Trên đất tranh chấp có cây do anh H, chị K trồng cặp đường nước (phía đất anh H) gồm: bốn cây chuối, một cây dừa, một cây bằng lăng. Anh H yêu cầu, trường hợp không chấp nhận yêu cầu của anh H, anh H sẽ đốn, di dời các cây trồng này, không yêu cầu ông K trả giá trị cây. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh H.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H không có căn cứ, không được chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP C là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Bá H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đinh Công K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chi phí tố tụng khác (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá).

Về chi phí tố tụng khác (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá): số tiền 4.249.000 đồng anh H chịu. Ông K đã nộp tạm ứng và chi xong. Anh H có trách nhiệm trả lại cho ông K số tiền 4.249.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Công K có ông Phan Văn B đại diện. Ông K được quyền sử dụng diện tích đất 383,5 m² (*cạnh: giáp đất ông Bùi Trung D cạnh 79,2 mét, từ mốc C đến mốc 1 và mốc 2; cạnh: giáp đất Lê Bá H cạnh 79,33 mét, từ mốc B đến mốc 7 và mốc 3; cạnh: giáp đất ông Đinh Công K cạnh 4,8 mét, từ mốc 2 đến mốc 3; cạnh: giáp rạch Long Sơn cạnh 4,9 mét, từ mốc C đến mốc B*), tọa lạc ấp TM, xã TT, TP C, tỉnh Đ là một phần diện tích tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CA 152006, sổ vào sổ CH02991, ngày 08/4/2015 do Lê Bá H đứng tên.

Ông Đinh Công K đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất tranh chấp 383,5 m².

Anh Lê Bá H đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận theo diện tích đất còn lại theo quy định của pháp luật.

Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2017, sơ đồ mốc và bản đồ đo đạc cùng ngày 15/01/2018 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP C, tỉnh Đ.

Về cây trồng: Anh H, chị K có trách nhiệm đồn, di dời bốn cây chuối, một cây dừa, một cây bằng lăng ra khỏi diện tích đất 383,5 m² của ông K.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông K, yêu cầu hủy một phần diện tích 383,5 m² tại thửa 1607, tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số bìa CA 152006, số vào sổ CH02991, ngày 08/4/2015 do Lê Bá H đứng tên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu chi phí tố tụng khác (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá). Ông K được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 06603, ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP C.

Anh Lê Bá H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.793.000 đồng.

Về chi phí tố tụng khác (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá) số tiền 4.249.000 đồng anh H chịu. Ông K đã nộp tạm ứng và chi xong. Anh H có trách nhiệm trả lại cho ông K số tiền 4.249.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HÒI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP c;
- Viện kiểm sát ND TP c;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Đoan Hùng - Nguyễn Văn Vệ

Lê Công K